

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-PT
Ngày 03 - 01- 2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm;

Ông Huỳnh Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Liêm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 504/2023/TLPT-DS ngày 28/11/2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1034/2023/QĐ-PT ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (Có mặt);

2. Đặng Út E, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt);

3. Đặng T1, sinh năm 2001 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Vào ngày 07/01/2023, bà có cho bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, anh Đặng T1 vay số tiền 434.750.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 3%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 03 tháng trả vốn (tức là đến

ngày 07/4/2023 đến hạn trả tiền vay), việc vay tiền bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, anh Đặng T1 có làm Giấy vay tiền ghi ngày 07/01/2013. Kể từ khi vay tiền cho đến nay, bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, anh Đặng T1 không có trả cho tiền vốn và lãi, đã quá hạn trả số tiền vốn vay nhưng bà T, ông Út E, anh T1 không trả cho bà số tiền vốn 434.750.000 đồng, mặc dù bà có đòi nhiều lần nhưng bà T, ông Út E, anh T1 không thực hiện việc trả nợ đối với số tiền vốn nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, anh Đặng T1 phải liên đới trả cho bà M số tiền 434.750.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định 1,666%/tháng, tính từ ngày 07/02/2023 đến ngày đưa vụ kiện ra xét xử; tạm tính đến ngày 07/8/2023 tổng cộng vốn và lãi là 485.450.545 đồng; yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, anh Đặng T1 cùng trình bày:

Ông bà cùng ký tên vào Giấy vay tiền ngày 07/01/2023 với số tiền vay 434.750.000 đồng cho bà M. Nhưng thực tế chỉ mượn có số tiền gốc 239.000.000 đồng, mượn nhiều lần, đến ngày 07/01/2023 thì bà M cộng tiền vốn 239.000.000 đồng và 43.000.000 đồng tiền choàng hui, với tiền lãi theo mức lãi suất 5%/tháng tính từ thời điểm vay trước đến ngày 07/01/2023 nên ra số tiền 434.750.000 đồng. Nay ông bà chỉ đồng ý trả số tiền 239.000.000 đồng và 43.000.000 đồng tiền hui và tiền lãi với lãi suất theo quy định; yêu cầu được trả dần hàng tháng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu tính lại lãi suất cho bị đơn theo quy định pháp luật, tính từ thời điểm 07/01/2023 đến ngày xét xử.

- Bà Nguyễn Thị T cho rằng không có nhận số tiền 434.750.000 đồng từ bà T; chỉ đồng ý trả 239.000.000 đồng tiền vay và 45.000.000 đồng tiền choàng hui.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, Đặng T1 có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền vay 434.750.000 đồng và số tiền lãi là 27.063.000 đồng. Tổng cộng 461.813.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu tám trăm mười ba ngàn đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, anh Đặng T1 phải chịu 22.472.500 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

H lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.710.000 đồng (mười một triệu bảy trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0024177 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 29/8/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đặng Út E, anh Đặng T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với số tiền vốn vay:

Tại Bản tự khai (Bút lục 35) và tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 45), bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E và anh Đặng T1 thừa nhận có ký tên vào Giấy vay tiền ngày 07/01/2023 (Bút lục 11), có nội dung: “Bên vay tự nguyện vay của bên cho vay số tiền là 434.750 đồng, bằng chữ Bốn trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn”. Nhưng bà T, ông Út E và anh T1 cho rằng: chỉ vay của bà M số tiền vốn 239.000.000 đồng, nợ tiềnhui 45.000.000 đồng và nợ tiền lãi 01 năm của số tiền 239.000.000 đồng là 152.750.000 đồng, bà M đã cộng tiền lãi vào tiền vốn gốc nên buộc gia đình ông bà ký giấy vay số tiền 434.750.000 đồng, gia đình bà không có nhận số tiền này vào ngày 07/01/2023 (Bút lục 35, 45).

Xét thấy: Bà T, ông Út E và anh T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh trong số tiền 434.750.000 đồng bà M yêu cầu buộc các bị đơn trả có tiền lãi của số tiền vốn gốc 239.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng cộng vào vốn vay mới được số tiền vốn 434.750.000 đồng, lãi chồng lãi và cũng không có chứng cứ gì chứng minh bà M không có giao số tiền 434.750.000 đồng vào ngày 07/01/2023. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M không thừa nhận, xác định rằng đã giao số tiền 434.750.000 đồng cho các bị đơn bà T, ông Út E và anh T1 nhận, nên bà T, ông Út E và anh T1 mới đồng ý ký tên vào Giấy vay tiền ngày 07/01/2023.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T đối với số tiền vốn vay 239.000.000 đồng và 45.000.000 đồng tiềnhui, mà có cơ sở để buộc các bị đơn trả số tiền vay 434.750.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M.

[2.2] Đối với tiền lãi:

Bà Nguyễn Thị T thừa nhận từ ngày 07/01/2023 ký Giấy vay tiền đến nay chưa trả tiền lãi, tiền vốn nào cho bà M.

Xét thấy: Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho bà M, nên bà M yêu cầu trả lãi là có cơ sở.

Bà T cho rằng hai bên thỏa thuận miêng lãi suất là 5%/tháng, nhưng bà M xác định lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng; Giấy vay tiền ngày 07/01/2023 không thể hiện nội dung có thỏa thuận về lãi suất. Cả hai bên đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về lãi suất. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M yêu cầu tính lãi suất theo quy định là 0,83%/tháng, tính từ ngày 07/02/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2023) là 7,5 tháng, thành tiền là 27.063.000 đồng, là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2.3] Tại phiên Tòa cấp phúc thẩm, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T; án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, Đặng T1 có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền vay 434.750.000 đồng và số tiền lãi là 27.063.000 đồng. Tổng cộng 461.813.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu tám trăm mười ba ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Út E, anh Đặng T1 phải chịu 22.472.500 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.710.000 đồng (mười một triệu bảy trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu tiền

số 0024177 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024212 ngày 29/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp.M;
- CCTHADS Tp.M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải